

CÔNG TY CỔ PHẦN MIRAE
(Thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2009

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
SOÁT XÉT BÁO CÁO	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 19

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Mirae (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được soát xét của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2009.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong giai đoạn và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Shin Young Sik	Chủ tịch
Ông Park Hee Sung	Thành viên
Ông Choi Young Ho	Thành viên
Bà Lim Jeong Yul	Thành viên
Ông Shin Dong Jin	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Shin Dong Jin	Tổng Giám đốc
Ông Kim Chul Soo	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính cho mỗi kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong giai đoạn đó. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không.
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

Shin Dong Jin
Tổng Giám đốc

Ngày 18 tháng 9 năm 2009

Số. /Deloitte-AUDHCM-RE

BÁO CÁO SOÁT XÉT

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Mirae

Chúng tôi đã tiến hành soát xét bằng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2009 của Công ty Cổ phần Mirae (gọi tắt là “Công ty”) cùng với các báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2009. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam. Ban Giám đốc công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc soát xét.

Chúng tôi đã thực hiện việc soát xét báo cáo tài chính theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi lập kế hoạch và thực hiện công tác soát xét để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công tác soát xét chủ yếu cao gồm việc trao đổi với nhân viên của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính, do đó soát xét cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn kiểm toán. Do chúng tôi không thực hiện kiểm toán nên chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định về kế toán hiện hành tại Việt Nam.

Võ Thái Hòa
Phó Tổng Giám đốc, kiêm
Giám đốc Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0138/KTV
Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
Ngày 18 tháng 9 năm 2009
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Trần Đình Nghi Hạ
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0288/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2009

MẪU B 01-DN
 Đơn vị: VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Ghi chú	30/6/2009	31/12/2008
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		104.358.299.191	98.158.759.335
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	1.631.661.948	1.915.572.107
1. Tiền	111		1.631.661.948	1.915.572.107
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		80.092.855.102	77.262.253.874
1. Phải thu khách hàng	131		59.640.799.733	57.425.100.461
2. Trả trước cho người bán	132		9.619.879.188	6.491.783.898
3. Các khoản phải thu khác	135	5	13.127.976.093	13.345.369.515
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(2.295.799.912)	-
III. Hàng tồn kho	140	6	20.053.055.834	16.452.249.238
1. Hàng tồn kho	141		20.393.425.874	16.722.211.721
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(340.370.040)	(269.962.483)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.580.726.307	2.528.684.116
1. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		492.957.190	1.059.243.499
2. Các khoản khác phải thu Nhà nước	154		1.148.188.747	1.138.757.546
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		939.580.370	330.683.071
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		188.960.977.746	170.833.502.285
I. Tài sản cố định	220		167.019.640.793	153.635.369.718
1. Tài sản cố định hữu hình	221	7	132.386.564.985	133.479.262.130
- Nguyên giá	222		166.578.499.643	162.571.176.371
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(34.191.934.658)	(29.091.914.241)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	478.848.985
- Nguyên giá	225		-	682.709.347
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	(203.860.362)
3. Tài sản cố định vô hình	227	8	16.003.384.639	16.217.102.629
- Nguyên giá	228		17.236.000.000	17.236.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.232.615.361)	(1.018.897.371)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	9	18.629.691.169	3.460.155.974
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		20.307.554.395	15.496.640.395
1. Đầu tư dài hạn khác	258	10	20.307.554.395	20.307.554.395
2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn			-	(4.810.914.000)
III. Tài sản dài hạn khác	260		1.633.782.558	1.701.492.172
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	1.633.782.558	1.605.512.740
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	95.979.432
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		293.319.276.937	268.992.261.620

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2009

MẪU B 01-DN
 Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Ghi chú	30/6/2009	31/12/2008
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		102.650.068.108	82.777.742. 640
I. Nợ ngắn hạn	310		88.535.981.958	80.463.320.540
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	12	54.535.431.800	45.055.227.855
2. Phải trả người bán	312		18.295.985.523	28.168.993.932
3. Người mua trả tiền trước	313		14.198.020.692	4.997.446.686
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	13	298.453.868	917.126.075
5. Phải trả người lao động	315		54.194.385	783.047.982
6. Chi phí phải trả	316		438.387.603	41.862.554
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		715.508.087	499.615.456
II. Nợ dài hạn	330		14.114.086.150	2.314.422.100
1. Vay và nợ dài hạn	334	14	13.618.639.200	1.780.000.000
3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		495.446.950	534.422.100
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		190.669.208.829	186.214.518.980
I. Vốn chủ sở hữu	410	15	190.669.208.829	186.214.518.980
1. Vốn điều lệ	411		132.870.660.000	132.870.660.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		20.469.506.948	20.469.506.948
3. Cổ phiếu quỹ	414		(2.004.157.734)	(2.004.157.734)
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		1.481.719.682	-
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		740.859.841	-
6. Quỹ khác thuộc vốn sở hữu	419		740.859.841	-
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		36.369.760.251	34.878.509.766
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		293.319.276.937	268.992.261.620

Shin Dong Jin
Tổng Giám đốc
 Ngày 18 tháng 9 năm 2009

Lê Thụy Trâm Anh
Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2009

MẪU B 02-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Ghi chú	Từ 1/1/2009 đến 30/6/2009	Từ 1/1/2008 đến 30/6/2008 (chưa soát xét)
1. Doanh thu gộp	01		59.614.401.165	56.672.934.184
2. Các khoản giảm trừ	02		(42.008.192)	-
3. Doanh thu thuần	10	16	59.572.392.973	56.672.934.184
4. Giá vốn hàng bán	11	17	(44.083.090.792)	(42.579.546.132)
5. Lợi nhuận gộp	20		15.489.302.181	14.093.388.052
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	18	6.918.966.670	656.264.884
7. Chi phí tài chính	22	19	(5.719.602.369)	(3.234.634.273)
8. Chi phí bán hàng	24		(3.335.120.196)	(3.032.727.562)
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(7.728.654.779)	(3.780.655.920)
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		5.624.891.507	4.701.635.181
11. Thu nhập khác	31		108.345.802	19.544.848
12. Chi phí khác	32		(239.233.751)	(2.419.446)
13. (Lỗ)/Lợi nhuận khác	40		(130.887.949)	17.125.402
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		5.494.003.558	4.718.760.583
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	20	(298.453.868)	(480.608.783)
16. Lợi nhuận sau thuế	60		5.195.549.690	4.238.151.800
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	21	<u>295</u>	<u>319</u>

Shin Dong Jin
Tổng Giám đốc
Ngày 18 tháng 9 năm 2009

Lê Thụy Trâm Anh
Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2009

MẪU B 03-DN
 Đơn vị: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 1/1/ 2009 đến 30/6/2009	Từ 1/1/2008 đến 30/6/2008 (chưa soát xét)
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	5.494.003.558	(4.718.760.583)
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	5.387.906.430	5.017.279.677
Các khoản dự phòng	03	(2.444.706.531)	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(1.273.345.147)	-
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(10.088.280)	-
Chi phí lãi vay	06	2.538.805.840	-
3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	9.692.575.870	298.519.094
Tăng các khoản phải thu	09	(5.126.401.140)	(22.008.272.636)
Tăng hàng tồn kho	10	(3.671.214.153)	(3.688.642.055)
Giảm các khoản phải trả	11	(3.036.184.384)	(1.238.571.032)
Tăng chi phí trả trước	12	(28.269.818)	-
Tiền lãi vay đã trả	13	(2.538.805.840)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(949.139.133)	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	95.979.432	(857.411.856)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(52.042.191)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(5.613.501.357)	(27.494.378.485)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(18.687.859.323)	(14.632.331.766)
2. Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	(84.318.182)	-
3. Thu lãi tiền gửi	27	10.088.280	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(18.762.089.225)	(14.632.331.766)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phần và nhận vốn góp của cổ đông	31	(1.039.313.709)	9.161.452.583
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	70.036.263.852	-
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(46.178.614.867)	-
4. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	22.818.335.276	9.161.452.583
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(1.557.255.306)	(32.965.257.668)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	1.915.572.107	48.523.087.041
Tác động của những thay đổi trong tỷ lệ chuyển đổi ngoại tệ	61	1.273.345.147	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	1.631.661.948	15.557.829.373

Shin Dong Jin
Tổng Giám đốc
 Ngày 18 tháng 9 năm 2009

Lê Thụy Trâm Anh
Kế toán trưởng

GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

Các ghi chú này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

1. THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Mirae được thành lập tại Việt Nam với thời gian hoạt động là 50 năm kể từ ngày 15 tháng 11 năm 2001 theo Giấy chứng nhận đầu tư số 461033000152 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương cấp ngày 6 tháng 7 năm 2007. Giấy chứng nhận đầu tư này thay thế Giấy phép Đầu tư số 130/GP-KCN-BD do Ban Quản lý Khu công nghiệp tỉnh Bình Dương cấp ngày 15 tháng 11 năm 2001.

Công ty niêm yết cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh. Các cổ đông sang lập của Công ty là Mirae Fiber Tech Co, Ltd (17,58%), thành lập tại Hàn Quốc, Ông Shin Young Sik (23,4%) và Bà Lim Jeong Yul (4,55%).

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2009 là 347 người (năm 2008: 304 người).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất, gia công và kinh doanh sản phẩm gòn, tấm chằng gòn, nguyên phụ liệu và máy móc cho ngành công nghiệp may mặc.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VNĐ), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền mặt xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các ghi chú này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ ba tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất khi giá ghi sổ của chúng cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

Số năm

Nhà xưởng và vật kiến trúc	10 - 41
Máy móc và thiết bị	3 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 5
Phương tiện vận tải	6 - 8
Tài sản khác	5 - 10

Thuê

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty.

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê tài sản. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng bốn mươi năm.

GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các ghi chú này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được lập cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ, và các chi phí phát sinh được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong ba năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh

Chi phí đi vay

Các chi phí đi vay được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các ghi chú này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan tới khoản mục ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/6/2009 VNĐ	31/12/2008 VNĐ
Tiền mặt	278.827.308	477.297.765
Tiền gửi ngân hàng	1.352.834.640	1.438.274.342
	1.631.661.948	1.915.572.107

5. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	30/6/2009 VNĐ	31/12/2008 VNĐ
Tạm ứng cho ban quản trị	9.000.000.000	9.000.000.000
Số dư đang tranh chấp với HAFI	4.000.000.000	4.000.000.000
Khác	127.976.093	345.369.515
	13.127.976.093	13.345.369.515

Các khoản phải thu khác bao gồm khoản tiền tạm ứng 9.000.000.000 đồng cho Ông Shin Young Sik, Chủ tịch và Bà Lim Jeong Yul, thành viên của Hội đồng Quản trị và số dư đang tranh chấp 4.000.000.000 đồng với Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Hà Nội (HAFI). Trong năm 2008, Công ty đã kiện HAFI ra Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội để đòi lại số tiền trên. Theo quyết định của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội số 106/2009/KDTM-ST ngày 4 tháng 6 năm 2009, HAFI phải trả số tiền trên cho Công ty, và Ban Giám đốc Công ty tin rằng Công ty chắc chắn sẽ thu hồi lại toàn bộ số tiền này, vì vậy Công ty không trích lập dự phòng cho số dư phải thu này.

GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các ghi chú này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

6. HÀNG TỒN KHO

	30/6/2009	31/12/2008
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Hàng mua đang đi đường	1.785.327.642	1.757.381.169
Nguyên liệu, vật liệu	10.960.013.756	10.615.064.076
Công cụ, dụng cụ	78.339.152	59.081.275
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	532.784.430	199.907.385
Thành phẩm	<u>7.036.960.894</u>	<u>4.090.777.816</u>
	20.393.425.874	16.722.211.721
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	<u>(340.370.040)</u>	<u>(269.962.483)</u>
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	<u>20.053.055.834</u>	<u>16.452.249.238</u>

7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc <u>VNĐ</u>	Máy móc và thiết bị <u>VNĐ</u>	Thiết bị văn phòng <u>VNĐ</u>	Phương tiện vận tải <u>VNĐ</u>	Tài sản khác <u>VNĐ</u>	Tổng <u>VNĐ</u>
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 1/1/2009	24.220.237.648	135.519.909.332	647.431.980	1.341.118.190	842.479.221	162.571.176.371
Tăng		12.563.432	151.566.841			164.130.273
Chuyển từ thuê tài chính				682.709.347		682.709.347
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	3.020.485.286			623.480.300		3.643.965.586
Thanh lý	<u>(46.093.432)</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>(437.388.502)</u>	<u>-</u>	<u>(483.481.934)</u>
Tại ngày 30/6/2009	<u>27.194.629.502</u>	<u>135.532.472.764</u>	<u>798.998.821</u>	<u>2.209.919.335</u>	<u>842.479.221</u>	<u>166.578.499.643</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 1/1/2009	(2.048.866.781)	(25.945.497.966)	(444.535.496)	(426.068.935)	(226.945.063)	(29.091.914.241)
Khấu hao trong kỳ	(540.052.390)	(4.407.587.545)	(49.318.626)	(128.520.919)	(48.708.960)	(5.174.188.440)
Chuyển từ thuê tài chính				(203.860.362)		(203.860.362)
Thanh lý		<u>1.672.285</u>	<u>-</u>	<u>276.356.100</u>	<u>-</u>	<u>278.028.385</u>
Tại ngày 30/6/2009	<u>(2.588.919.171)</u>	<u>(30.351.413.226)</u>	<u>(493.854.122)</u>	<u>(482.094.116)</u>	<u>(275.654.023)</u>	<u>(34.191.934.658)</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 30/6/2009	<u>24.605.710.331</u>	<u>105.181.059.538</u>	<u>305.144.699</u>	<u>1.727.825.219</u>	<u>566.825.198</u>	<u>132.386.564.985</u>
Tại ngày 31/12/2008	<u>22.171.370.867</u>	<u>109.574.411.366</u>	<u>202.896.484</u>	<u>915.049.255</u>	<u>615.534.158</u>	<u>133.479.262.130</u>

Công ty đã thế chấp nhà xưởng, máy móc và thiết bị và phương tiện vận tải với giá trị 108.779.594.200 đồng tại ngày 30 tháng 6 năm 2009 (năm 2008: 56.008.000.000 đồng) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

Nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các thiết bị và máy móc đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 422.812.538 đồng (năm 2008: 411.312.538 đồng).

GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các ghi chú này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VNĐ
NGUYÊN GIÁ	
Tại ngày 1/1/2009 và 30/6/2009	17.236.000.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Tại ngày 1/1/2009	(1.018.897.371)
Khấu hao trong kỳ	(213.717.990)
Tại ngày 30/6/2008	(1.232.615.361)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 30/6/2009	16.003.384.639
Tại ngày 31/12/2008	16.217.102.629

Công ty đã thế chấp quyền sử dụng đất với giá trị 17.236.000.000 đồng tại ngày 30 tháng 6 năm 2009 để đảm bảo cho khoản tiền vay ngân hàng (năm 2008: 11.500.000.000 đồng).

9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỮ DANG

	2009 VNĐ	2008 VNĐ
Tại ngày 1 tháng 1	3.460.155.974	14.764.557.014
Tăng	18.813.500.781	25.000.585.369
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(3.643.965.586)	(36.304.986.409)
Tại ngày 30 tháng 6	18.629.691.169	3.460.155.974

10. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN KHÁC

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác thể hiện khoản đầu tư chứng khoán vào Công ty Cổ phần Mirae Fiber (KMF), Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Hà Nội (HAFI), và Công ty Cổ phần Ellisha Việt Nam (ELLISHA).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2009, khoản đầu tư cổ phiếu vào Công ty Cổ phần Mirae Fiber, bên liên quan, được trình bày bằng giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Công ty đã lập dự phòng giảm giá khoản đầu tư này tương đương với phần vượt trội giá trị còn lại cao hơn so với giá thị trường.

Khoản đầu tư tại HAFI và ELLISA được trình bày theo giá trị so với 15.000 đồng cho mỗi cổ phiếu. Công ty không lập dự phòng cho hai khoản đầu tư này vì chúng chưa được mua bán một cách rộng rãi và Ban Giám đốc không có thông tin về giá thị trường của hai loại cổ phiếu này.

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	2009 VNĐ	2008 VNĐ
Tại ngày 1 tháng 1	1.605.512.740	894.704.798
Tăng	581.716.614	1.450.607.655
Phân bổ vào chi phí trong kỳ	(553.446.796)	(739.799.713)
Tại ngày 30 tháng 6	1.633.782.558	1.605.512.740

GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các ghi chú này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

12. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	30/6/2009	31/12/2008
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Nợ ngắn hạn	47.505.772.000	41.350.877.000
Vay dài hạn đến hạn trả	7.029.659.800	3.560.000.000
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả	-	144.350.855
	<u>54.535.431.800</u>	<u>45.055.227.855</u>

Vay ngắn hạn thể hiện khoản vay từ Ngân hàng Công thương Việt Nam - Chi nhánh Khu công nghiệp Bình Dương ("Vietinbank") và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam ("Agribank") - Chi nhánh Khu Công nghiệp Sóng Thần. Khoản tín dụng của Vietinbank có thể được giải ngân bằng đồng Việt Nam hoặc đô la Mỹ với hạn mức là 2.500.000 đô la Mỹ và đáo hạn vào ngày 28 tháng 1 năm 2010. Khoản vay của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam có thể được giải ngân bằng đồng Việt Nam hoặc đô la Mỹ với hạn mức là 1.000.000 đô la Mỹ và đáo hạn vào ngày 7 tháng 5 năm 2010. Các khoản vay này chịu lãi suất từ 6,5% đến 10,5% hàng năm đối với khoản vay bằng đồng Việt nam và từ 3% đến 7,5% đối với khoản vay bằng đô la Mỹ. Công ty đã sử dụng nhà xưởng và máy móc để đảm bảo cho khoản vay này.

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30/6/2009	31/12/2008
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	298.453.868	913.921.138
Thuế thu nhập cá nhân	-	3.204.937
	<u>298.453.868</u>	<u>917.126.075</u>

14. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	30/6/2009	31/12/2008
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Vay dài hạn	13.618.639.200	1.780.000.000
	<u>13.618.639.200</u>	<u>1.780.000.000</u>

Vay dài hạn thể hiện hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Khu Công nghiệp Bình Dương với số tiền 16.000.000.000 đồng. Khoản vay được trả làm nhiều lần bắt đầu từ ngày 20 tháng 1 năm 2006 đến ngày 18 tháng 4 năm 2010 và chịu lãi suất phải trả hàng tháng là 11,52%/năm.

Vay dài hạn thể hiện hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam ("Agribank") - Chi nhánh Khu Công nghiệp Sóng Thần với số tiền 8.500.000.000 đồng và 483.000 đô la Mỹ. Khoản vay được trả làm nhiều lần bắt đầu từ ngày 28 tháng 8 năm 2009 đến ngày 28 tháng 5 năm 2014 và chịu lãi suất phải trả hàng tháng là 6,5 %/năm đến 10,5 %/năm đối với Việt Nam Đồng và từ 3% đến 7,5%/năm đối với đô la Mỹ.

Vay dài hạn cũng thể hiện hợp đồng vay dài hạn khác với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam ("Agribank") - Chi nhánh Khu công nghiệp Sóng Thần với số tiền 400.000.000 đồng. Khoản vay được trả làm nhiều lần bắt đầu từ ngày 28 tháng 7 năm 2009 đến ngày 28 tháng 4 năm 2012 và chịu lãi suất phải trả hàng tháng là 6,5 % đến 10,5 %/năm.

Công ty đã sử dụng tòa nhà, phương tiện vận tải và quyền sử dụng đất để đảm bảo cho các khoản vay.

GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các ghi chú này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	30/6/2009	31/12/2008
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Trong vòng một năm	7.029.659.800	3.560.000.000
Trong năm thứ hai	5.204.489.700	1.780.000.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	8.414.149.500	-
	20.648.299.000	5.340.000.000
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn) (Ghi chú số 12)	(7.029.659.800)	(3.560.000.000)
Số phải trả sau 12 tháng	13.618.639.200	1.780.000.000

15. VỐN CỔ ĐÔNG

	30/6/2009	31/12/2008
Được phép phát hành		
Số lượng cổ phiếu	13.287.066	13.287.066
Mệnh giá - VNĐ/cổ phiếu	10.000	10.000
Giá trị - VNĐ	132.870.660.000	132.870.660.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	13.287.066	13.287.066
Số lượng cổ phiếu đã mua lại	222.360	222.360
Số lượng cổ phiếu không giao dịch	6.050.216	6.050.216
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	7.014.490	7.014.490

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2009, vốn góp bao gồm 13.287.066 cổ phiếu thường, trong đó số cổ phiếu không giao dịch là 6.050.216 cổ phiếu thuộc sở hữu của các cổ đông sáng lập của Công ty, với tỷ lệ nắm giữ là 45.53% tổng số cổ phiếu được phép phát hành. Cổ đông sở hữu cổ phiếu thường được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phiếu sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Tất cả các cổ phiếu đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN MIRAE

Ấp 1B, Xã An Phú, huyện Thuận An
Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2009

GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Mẫu B 09-DN**

Các ghi chú này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ	Thặng dư vốn cổ phần VNĐ	Cổ phiếu quỹ	Dự phòng phát triển kinh doanh	Dự phòng tài chính	Dự phòng thường và các phúc lợi	Các dự phòng khác	(Lỗ lũy kế)/ Lợi nhuận chưa phân phối VNĐ	Tổng VNĐ
Số dư tại ngày 1/1/2008	132.870.660.000	13.520.000.000	-	-	-	-	-	20.061.312.948	166.451.972.948
Chi phí niêm yết	-	(250.493.052)	-	-	-	-	-	-	(250.493.052)
Mua lại cổ phiếu	-	-	(12.804.157.734)	-	-	-	-	-	(12.804.157.734)
Tái phát hành cổ phiếu	-	7.200.000.000	10.800.000.000	-	-	-	-	-	18.000.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	-	14.817.196.818	14.817.196.818
Số dư tại ngày 31/12/2008	132.870.660.000	20.469.506.948	(2.004.157.734)	-	-	-	-	34.878.509.766	186.214.518.980
Quỹ dự phòng các khoản ngoài lợi nhuận sau thuế năm 2008	-	-	-	1.481.719.682	740.859.841	740.859.841	740.859.841	(3.704.299.205)	-
Thanh toán từ quỹ	-	-	-	-	-	-	(740.859.841)	-	(740.859.841)
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	5.195.549.690	5.195.549.690
Số dư tại ngày 30/6/2009	132.870.660.000	20.469.506.948	(2.004.157.734)	1.481.719.682	740.859.841	740.859.841	-	36.369.760.251	190.669.208.829

CÔNG TY CỔ PHẦN MIRAE

Áp 1B, Xã An Phú, huyện Thuận An
 Tỉnh Bình Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2009

GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các ghi chú này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Vốn điều lệ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2009 và 31 tháng 12 năm 2008, vốn điều lệ được góp bởi các cổ đông như sau:

	Theo Giấy chứng nhận Đầu tư		Vốn đã góp	
	VND	%	30/6/2009 VND	31/12/2008 VND
Mirae Fiber Technology Co., Ltd	23.364.132.000	17,58%	23.364.132.000	23.364.132.000
Ông Shin Young Sik	31.087.812.000	23,40%	31.087.812.000	31.087.812.000
Bà Lim Jeong Yul	6.050.216.000	4,55%	6.050.216.000	6.050.216.000
Các cổ đông khác	72.368.500.000	54,47%	72.368.500.000	72.368.500.000
	132.870.660.000	100%	132.870.660.000	132.870.660.000

16. DOANH THU

	Từ 1/1/2009 đến 30/6/2009 VND	Từ 1/1/2008 đến 30/6/2008 (chưa soát xét) VND
Doanh thu từ thành phẩm	59.614.401.165	56.672.934.184
Hàng bán trả lại	(42.008.192)	-
	59.572.392.973	56.672.934.184

17. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 1/1/2009 đến 30/6/2009 VND	Từ 1/1/2008 đến 30/6/2008 (chưa soát xét) VND
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	43.742.720.752	42.579.546.132
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	340.370.040	-
	44.083.090.792	42.579.546.132

18. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 1/1/2009 đến 30/6/2009 VND	Từ 1/1/2008 đến 30/6/2008 (chưa soát xét) VND
Lãi tiền gửi	10.088.280	120.644.359
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.273.345.147	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	824.619.243	535.620.525
Thu nhập từ bán cổ phiếu	4.810.914.000	-
	6.918.966.670	656.264.884

CÔNG TY CỔ PHẦN MIRAE

Áp 1B, Xã An Phú, huyện Thuận An
Tỉnh Bình Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2009

GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các ghi chú này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

19. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 1/1/2009 đến 30/6/2009 VNĐ	Từ 1/1/2008 đến 30/6/2008 (chưa soát xét) VNĐ
Lãi tiền vay	2.538.805.840	2.269.292.773
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.180.796.529	965.341.500
	5.719.602.369	3.234.634.273

20. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Từ 1/1/2009 đến 30/6/2009 VNĐ	Từ 1/1/2008 đến 30/6/2008 (chưa soát xét) VNĐ
Lợi nhuận trước thuế	5.494.003.558	4.718.760.583
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế:		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(1.273.345.147)	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	42.968.278	87.327.247
Thu nhập chịu thuế	4.263.626.689	4.806.087.830
Thuế suất thông thường	10%	10%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	426.362.669	480.608.783
Giảm trừ thuế thu nhập doanh nghiệp	(127.908.801)	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	298.453.868	480.608.783

Công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% tính trên thu nhập chịu thuế trong mười năm kể từ năm đầu tiên hoạt động (năm 2001) và theo tỷ lệ 25% cho những năm tiếp theo. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong hai năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi (năm 2004) và được miễn 50% trong năm năm tiếp theo.

Tại ngày 13 tháng 1 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 03/2009/TT-BTC này về việc hướng dẫn bổ sung giảm trừ và gia hạn thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả. Theo Thông tư, Công ty được giảm trừ 30% thuế thu nhập doanh nghiệp cho quý 4 năm 2008 và cả năm 2009.

Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả vì không có chênh lệch tạm thời đáng kể giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc nợ phải trả trên báo cáo tài chính.

21. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cơ bản cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Từ 1/1/2009 đến 30/6/2009 VNĐ	Từ 1/1/2008 đến 30/6/2008 (chưa soát xét) VNĐ
Lợi nhuận thuần	5.195.549.690	4.238.151.800
Trừ: Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	(1.273.345.147)	-
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.922.204.543	4.238.151.800
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi trên cổ phiếu cơ bản	13.287.066	13.287.066
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	295	319

CÔNG TY CỔ PHẦN MIRAE

Ấp 1B, Xã An Phú, huyện Thuận An
Tỉnh Bình Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2009

GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các ghi chú này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

23. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN:

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Từ 1/1/2009 đến 30/6/2009 VNĐ	Từ 1/1/2008 đến 30/6/2008 (chưa soát xét) VNĐ
Bán hàng bán hàng		
Mirae Fiber Technology Co., Ltd.	1.037.040.426	2.036.281.217
Công ty Cổ phần Mirae Fiber	<u>3.473.451.083</u>	<u>2.705.352.319</u>
Mua hàng		
Mirae Fiber Technology Co., Ltd.	22.507.902.705	17.057.308.907
Công ty Cổ phần Mirae Fiber	<u>11.875.094.042</u>	<u>2.596.960.756</u>

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	30/6/2009 VNĐ	31/12/2008 VNĐ
Các khoản phải thu		
Mirae Fiber Technology Co., Ltd.	29.798.682.766	35.467.157.294
Công ty Cổ phần Mirae Fiber	<u>12.336.093</u>	<u>151.190.148</u>
Tạm ứng từ khách hàng		
Công ty Cổ phần Mirae Fiber	<u>13.846.085.399</u>	<u>-</u>
Các khoản phải trả		
Mirae Fiber Technology Co., Ltd.	11.034.846.715	25.600.602.797
Công ty Cổ phần Mirae Fiber	<u>4.256.594.333</u>	<u>1.858.679.321</u>
Khoản tạm ứng		
Ông Shin Young Sik	4.800.000.000	4.800.000.000
Bà Lim Jeong Yul	<u>4.200.000.000</u>	<u>4.200.000.000</u>

Thu nhập Ban Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:

	Từ 1/1/2009 đến 30/6/2009 VNĐ	Từ 1/1/2008 đến 30/6/2008 (chưa soát xét) VNĐ
Lương	551.012.292	432.269.763
Thưởng	<u>218.872.480</u>	<u>138.033.330</u>
	<u>769.884.772</u>	<u>570.303.093</u>

24. SỐ LIỆU SO SÁNH

Một số số liệu của báo cáo năm trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm này.

CÔNG TY CỔ PHẦN MIRAE

Áp 1B, Xã An Phú, huyện Thuận An
Tỉnh Bình Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2009

GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các ghi chú này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

25. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2009 đến ngày 30 tháng 6 năm 2009 đã được Hội đồng Quản trị Công ty phê duyệt để phát hành vào ngày 18 tháng 9 năm 2009.

Shin Dong Jin
Tổng Giám đốc

Ngày 18 tháng 9 năm 2009

Lê Thụy Trâm Anh
Kế toán trưởng